Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 79

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TOÀN THẮNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 6	Giáp xã Tân Lạc	Nhà ông Kiên (thửa đất số 165, tờ bản đồ số 04)	4.000	2.900	2.200	2.990	2.150	1.590	2.620	1.870	1.400
2		Hết nhà ông Kiên (thửa đất số 165, tờ bản đồ số 04)	Nhà ông Mạnh Hà xóm Tân Thành (thửa số 24 tờ bản đồ số 4 tiếp giáp xã Phong Phú	3.000	2.200	2.010	2.240	1.680	1.500	1.960	1.400	1.310
3	Đường Tỉnh lộ 436	Giáp đất xã Quyết Thắng cũ	Hết đất nhà ông Thế xóm Đừng	500	420	390	380	290	240	280	240	220
4		Ngã ba trụ sở công an	Ngầm Tân Sơn	500	420	390	380	290	240	280	240	220
5		Ngã ba trụ sở công an	Qua cổng trường học (xã Gia Mô cũ)	700	460	370	530	350	280	470	320	260
6		Ngầm Tân Sơn	Ngầm Úi	700	460	370	530	350	280	470	320	260
7		Ngầm Úi	Ngã ba nhà ông Dửng xóm Úi	500	420	390	380	290	240	280	240	220
8		Giáp xã Mường Bi	Hết nhà ông Đưng xóm Bùi Nước	1.320	810	750	990	610	570	870	540	500
9		Giáp nhà ông Đưng xóm Bùi Nước	Giáp địa giới hành chính xã Lỗ Sơn cũ	800	660	580	610	500	430	540	430	390
10	Đường trục xã	Ngã ba đường 436	Hết thửa 210 tờ 7 (xã Gia Mỗ cũ) và hết xóm Trang giáp xã Quyết Thắng	300	270	260	250	230	220	230	210	200
11		Ngã ba trụ sở công an đi xóm Trám	Giáp xã Lỗ Sơn cũ	300	270	260	250	230	220	230	210	200
12		Ngã ba đường 436 đi	Xóm Trám và đến ngã 3 trường Mầm non xã Gia Mô cũ	300	270	260	250	230	220	230	210	200
13		Ngã ba xóm Úi	Ngã ba xóm Đồi Bệ	300	270	260	250	230	220	230	210	200
14		Ngã ba đường 436 xóm Tân Lập	Bãi rác Lỗ Sơn cũ	300	270	260	250	230	220	230	210	200
15		Ngã ba đường tỉnh 436 xóm Tân Lập	Hết khu dân cư	300	270	260	250	230	220	230	210	200

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường trục xã	Ngã ba tiếp giáp QL6 (nhà ông Lý thửa đất số 120, tờ bản đồ số 5)	Ngã ba nhà bà Dư rẽ vào đường tỉnh lộ 436 (thửa đất số 60, tờ bản đồ 8)	1.400	850	790	1.050	650	600	920	560	530
17		Ngã ba nhà bà Dư rẽ vào đường tỉnh lộ 436 (thửa đất số 60, tờ bản đồ 8)	Ngã ba QL6 (nhà ông Lý thửa đất số 120, tờ bản đồ số 5)	1.400	850	790	1.050	650	600	920	560	530
18		Ngã ba nhà bà Dư	Ngã ba tỉnh lộ 436	800	660	580	610	500	430	540	430	390
19		Ngã ba sân thể thao xóm Mương Dạ	Đi vòng qua trạm y tế xã Do Nhân cũ đến ngã ba đường trục xã	400	300	240	300	230	180	280	200	160
20		Ngã ba nhà ông Hùng	Ngã ba nhà ông Kỷ	400	300	240	300	230	180	280	200	160
21		Ngã ba Quốc lộ 6	Đi qua ngã ba nhà ông Minh xóm Tân Thành, vòng lên nghĩa trang Tân Thành	800	660	580	610	500	430	540	430	390
22		Nhà ông Minh xóm Tân Thành (Tân Lộ cũ)	Hết ranh giới xã	800	660	580	610	500	430	540	430	390
23		Ngã ba nhà ông Sản (thửa 41, tờ bản đồ 13)	Hết đất ông Sổn (thửa 817 tờ bản đồ 18)	800	660	580	610	500	430	540	430	390
24	Đường trục thôn	Ngã ba trụ sở công an	Giáp xã Lỗ Sơn cũ	250	230	220	210	200	190	190	180	170
25		Ngã ba đường 436 đi	Ngã ba đường 436 (đi vòng)	250	230	220	210	200	190	190	180	170
26		Ngã ba đường đi xóm Nhót vòng	Ngã tư trường Mầm non Gia Mô	250	230	220	210	200	190	190	180	170
27		Ngã ba đường 436 đi xóm Quắn	Đi vòng cung đến đường tỉnh 436	250	230	220	210	200	190	190	180	170
28		Ngã ba xóm Đồi Bệ	Ngã ba nhà văn hóa xóm Nghẹ	250	230	220	210	200	190	190	180	170
29		Ngã ba xóm Chiềng Đồi	Lò than Tân Sơn	250	230	220	210	200	190	190	180	170
30		Ngã ba đường 436 (tờ 37 thửa 42 Lỗ Sơn cũ)	Ngã ba đường Tỉnh lộ 436 xóm Tân Lập	250	230	220	210	200	190	190	180	170
31		Giáp xã Mường Bi	Ngã ba trục xã	400	300	240	300	230	180	280	200	160
32		Xóm Kha xã Mường Bi	Ngã ba Tỉnh lộ 436	300	270	260	250	230	220	230	210	200

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
33	Đường trục thôn	Ngã ba trường TH và THCS xã Tân Lộ cũ	Ngã ba các điểm tờ thửa số (tờ 12 thửa 200 và tờ 12 thửa 256 Tân Lộ cũ)	300	270	260	250	230	220	230	210	200
34		Ngã ba Tỉnh lộ 436 (tờ 21 thửa 18 Do Nhân cũ)	Đi đường vòng khu cư dân xóm Trăng (tờ 20 thửa 627 Do Nhân cũ)	400	300	240	300	230	180	280	200	160
35		Ngã ba Tỉnh lộ 436 (tờ 36 thửa 242 Tân Lộc cũ)	Ngã ba Tỉnh lộ 436 xóm Úi (tờ 9 thửa 250 Lỗ Sơn cũ)	300	270	260	250	230	220	230	210	200
36		Ngã ba nhà ông Quyền xóm Rên	Hết nhà ông Ức xóm Đừng	700	460	370	530	350	280	470	320	260
37		Hết nhà ông Ức xóm Đừng	Hết đất nhà ông Tôn xóm Đừng giáp xã Quyết Thắng	500	420	390	380	290	240	280	240	220
38		Ngã ba nhà ông Quyền xóm Rên	Giáp xã Lỗ Sơn	300	270	260	250	230	220	230	210	200
39	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			300			250			230		